PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TÂM AN
Tâm An - Vạn Sự An

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VÀ PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
TÂM AN
47/4 - 47/6 Huỳnh Tấn Phát, Ấp 12, Xã Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế: 0313695889 Điện thoại: 028 38 738 994
www.phongkhamtaman.com

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BHYT
(Áp dụng từ ngày 15/09/2026)

STT	Tên Dịch vụ	Giá BH	*Giá BHTT*	*Phụ thu*
I	**KHÁM BỆNH**			
1	Khám cấp cứu	**150,000**	*36,500*	*113,500*
2	Khám bệnh thông thường	**80,000**	*36,500*	*43,500*
3	Khám chuyên khoa: - Tim mạch - Huyết áp - Nội tiết - Hô hấp - Tiểu đường - Tai mũi họng - Ngoại khoa - Chuyên khoa Mắt	**100,000**	*36,500*	*63,500*
4	Khám chuyên khoa Cơ xương khớp	**120,000**	*36,500*	*83,500*
5	Khám chuyên khoa Sản Phụ Khoa - Khám Thai	**120,000**	*36,500*	*83,500*
II	**THĂM DÒ CHỨC NĂNG/ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH**			
1	Điện tim thường (ECG)	**45,000**	*39,900*	*5,100*
2	Nội soi đại tràng sigma	**600,000**	*352,100*	*247,900*
3	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	**550,000**	*276,500*	*273,500*
4	Nội soi tai	**100,000**	*40,000*	*60,000*
5	Nội soi họng	**90,000**	*40,000*	*50,000*
6	Nội soi mũi	**120,000**	*40,000*	*80,000*
7	Nội soi tai mũi họng	**250,000**	*116,100*	*133,900*
8	Soi cổ tử cung	**200,000**	*20,000*	*180,000*
III	**SIÊU ÂM**			

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BHYT *(Áp dụng từ ngày 15/09/2026)*				
1	Siêu âm bụng tổng quát (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang,..)	**130,000**	*58,600*	*71,400*
2	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	**252,300**	*252,300*	-
3	Siêu âm Doppler tim, van tim	**252,300**	*252,300*	-
4	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	**252,300**	*252,300*	-
5	Siêu Âm thai (Doppler) 3 tháng đầu	**130,000**	*58,600*	*71,400*
6	Siêu Âm thai (Doppler) 3 tháng giữa	**160,000**	*58,600*	*101,400*
7	Siêu Âm thai (Doppler) 3 tháng cuối	**190,000**	*58,600*	*131,400*
8	Siêu âm tuyến vú hai bên	**130,000**	*58,600*	*71,400*
9	Siêu âm tuyến giáp	**130,000**	*58,600*	*71,400*
10	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)	**130,000**	*58,600*	*71,400*
11	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)	**130,000**	*58,600*	*71,400*
12	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	**200,000**	*195,600*	*4,400*
13	Siêu âm tinh hoàn hai bên	**130,000**	*58,600*	*71,400*
14	Siêu âm dương vật	**130,000**	*58,600*	*71,400*
15	Siêu âm hạch vùng cổ	**130,000**	*58,600*	*71,400*
IV	**XQUANG KỸ THUẬT SỐ**			
1	Chụp Xquang ngực thẳng KTS (Chụp Xquang Tim phổi thẳng)	**110,000**	*73,300*	*36,700*
2	Chụp Xquang ngực thẳng - Nghiêng (2 tư thế)	**160,000**	*105,300*	*54,700*
3	Chụp Xquang cột sống cổ (2 tư thế)	**130,000**	*73,300*	*56,700*
4	Chụp Xquang cột sống cổ (4 tư thế)	**200,000**	*105,300*	*94,700*
5	Chụp Xquang cột sống thắt lưng	**150,000**	*73,300*	*76,700*
6	Chụp Xquang Blondeau [Blondeau + Hirtz số hóa 1 phim]	**110,000**	*73,300*	*36,700*
7	Chụp Xquang Blondeau [Blondeau + Hirtz số hóa 2 phim]	**130,000**	*105,300*	*24,700*

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BHYT *(Áp dụng từ ngày 15/09/2026)*				
8	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	**130,000**	*73,300*	*56,700*
9	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	**130,000**	*73,300*	*56,700*
10	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	**130,000**	*73,300*	*56,700*
11	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	**130,000**	*73,300*	*56,700*
12	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	**130,000**	*73,300*	*56,700*
13	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	**130,000**	*73,300*	*56,700*
14	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	**110,000**	*73,300*	*36,700*
15	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	**110,000**	*73,300*	*36,700*
16	Chụp Xquang khung chậu thẳng	**100,000**	*73,300*	*26,700*
V	**XÉT NGHIỆM**			
1	Định lượng HbA1c	**130,000**	*105,300*	*24,700*
2	Định lượng Glucose	**30,000**	*22,400*	*7,600*
3	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	**40,000**	*28,600*	*11,400*
4	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	**80,000**	*49,700*	*30,300*
5	Định lượng Creatinine (Chức năng thận)	**35,000**	*22,400*	*12,600*
6	Định lượng Urê máu (Chức năng thận)	**35,000**	*22,400*	*12,600*
7	Định lượng Cholesterol toàn phần (mỡ máu)	**35,000**	*28,000*	*7,000*
8	Định lượng Triglycerid (mỡ máu)	**35,000**	*28,000*	*7,000*
9	Định lượng LDL - C (mỡ máu)	**40,000**		
10	Định lượng HDL-C (mỡ máu)	**35,000**	*28,000*	*7,000*
11	Đo hoạt độ GGT (men gan)	**40,000**	*20,000*	*20,000*
12	Đo hoạt độ ALT (GPT) (men gan)	**35,000**	*22,400*	*12,600*
13	Đo hoạt độ AST (GOT) (men gan)	**35,000**	*22,400*	*12,600*

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BHYT *(Áp dụng từ ngày 15/09/2026)*				
14	Định lượng Acid Uric (gout)	**40,000**	*22,400*	*17,600*
VI	**DA LIỄU**			
1	Khám Da liễu	**100,000**	*36,500*	*63,500*
2	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	**500,000**	*399,000*	*101,000*
3	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện [< 5mm]	**399,000**	*399,000*	*-*
4	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện [>= 5mm]	**500,000**	*399,000*	*101,000*
5	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện [1 nốt]	**399,000**	*399,000*	*-*
6	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện [1 nối]	**399,000**	*399,000*	*-*
7	Điều trị u mềm treo, sẩn cục bằng Laser CO2 [1nốt]	**399,000**	*399,000*	*-*
8	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng [Đốt điện_Nhi]	**800,000**	*399,000*	*401,000*
VII	**THỦ THUẬT**			
1	Thay băng vết thương	**40,000 - 500,000**	*64,300 - 275,600*	*0 - 260,500*
2	Khâu Vết thương	**220,000 - 1,500,000**	*194,700 - 289,500*	*25,300 - 1,210,500*
3	Chích Rạch áp xe	**218,500 - 1,500,000**	*218,500*	*0 - 1,281,500*
IX	**PHỤC HỒI CHỨC NĂNG - VẬT LÝ TRỊ LIỆU**			
1	Điều trị bằng tia hồng ngoại	**40,900**	*40,900*	*-*
2	Kéo nắn cột sống cổ	**70,000**	*54,800*	*15,200*
3	Kéo nắn cột sống thắt lưng	**70,000**	*54,800*	*15,200*
4	Điều trị bằng các dòng điện xung	**50,000**	*44,900*	*5,100*
5	Điều trị bằng sóng xung kích	**250,000**	*71,200*	*178,800*
6	Điều trị bằng sóng ngắn	**70,000**	*41,100*	*28,900*
7	Điều trị bằng Parafin	**60,000**	*46,000*	*14,000*
8	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	**80,000**	*50,800*	*29,200*

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BHYT *(Áp dụng từ ngày 15/09/2026)*				
9	Kỹ thuật xoa bóp vùng	**90,000**	*51,300*	*38,700*
10	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	**120,000**	*64,900*	*55,100*
11	Tập vận động thụ động	**70,000**	*59,300*	*10,700*
12	Tập vận động có trợ giúp	**90,000**	*59,300*	*30,700*
13	Điều trị bằng siêu âm	**70,000**	*48,700*	*21,300*
14	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	**40,000**	*39,000*	*1,000*
X	**MẮT**			
1	Khám Mắt	**100,000**	*36,500*	*63,500*
2	Bóc giả mạc [1 mắt]	**150,000**	*99,400*	*50,600*
3	Bóc giả mạc [2 mắt]	**250,000**	*99,400*	*150,600*
4	Bơm rửa lệ đạo [1 mắt]	**80,000**	*41,200*	*38,800*
5	Bơm rửa lệ đạo [2 mắt]	**150,000**	*41,200*	*108,800*
6	Cắt bỏ chắp có bọc	**250,000**	*85,500*	*164,500*
7	Cắt chỉ khâu giác mạc	**150,000**	*40,300*	*109,700*
8	Cắt chỉ khâu kết mạc	**150,000**	*40,300*	*109,700*
9	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi	**150,000**	*40,300*	*109,700*
10	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	**150,000**	*40,300*	*109,700*
11	Cắt u da mi không ghép	**1,800,000**	*812,100*	*987,900*
12	Chích chắp, lẹo, nang lông mi, chích áp xe mi, kết mạc	**250,000**	*85,500*	*164,500*
13	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu [nhiều]	**250,000**	*53,600*	*196,400*
14	Khâu cò mi, tháo cò, da mi đơn giản	**1,500,000**	*452,400*	*1,047,600*
15	Khâu kết mạc	**1,800,000**	*897,100*	*902,900*
16	Khâu phục hồi bờ mi	**1,700,000**	*813,600*	*886,400*

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BHYT *(Áp dụng từ ngày 15/09/2026)*				
17	Lấy calci kết mạc	**150,000**	*40,900*	*109,100*
18	Lấy dị vật kết mạc	**100,000**	*71,500*	*28,500*
19	Lấy dị vật kết mạc [độ 2]	**200,000**	*71,500*	*128,500*
20	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	**80,000**	*40,900*	*39,100*
21	Rạch áp xe mi	**250,000**	*218,500*	*31,500*
22	Rửa cùng đồ [1 mắt]	**80,000**	*48,300*	*31,700*
23	Rửa cùng đồ [2 mắt]	**100,000**	*48,300*	*51,700*
24	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	**150,000**	*60,000*	*90,000*
25	Soi đáy mắt trực tiếp	**120,000**	*60,000*	*60,000*
26	Soi góc tiền phòng	**150,000**	*60,000*	*90,000*
27	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	**350,000**	*130,900*	*219,100*
28	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	**2,000,000**	*1,043,500*	*956,500*
XI	**RĂNG HÀM MẶT**			
1	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite [Nhi]	**300,000**	*280,500*	*19,500*
2	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	**900,000**	*455,500*	*444,500*
3	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 4, 5]	**1,200,000**	*631,000*	*569,000*
4	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6, 7 - hàm dưới]	**1,500,000**	*861,000*	*639,000*
5	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em [Nhi]	**100,000**	*36,500*	*63,500*
6	Nhổ chân răng vĩnh viễn [độ 1]	**217,200**	*217,200*	-
7	Nhổ chân răng vĩnh viễn [độ 2]	**400,000**	*217,200*	*182,800*
8	Nhổ răng vĩnh viễn [độ 1]	**300,000**	*239,500*	*60,500*
9	Nhổ răng vĩnh viễn [PT3]	**2,000,000**	*239,500*	*1,760,500*
10	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	**200,000**	*110,600*	*89,400*

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BHYT *(Áp dụng từ ngày 15/09/2026)*				
11	Phẫu thuật nạo túi lợi [1 răng]	**200,000**	*89,500*	*110,500*
12	Phẫu thuật nạo túi lợi [nạo túi 1 răng]	**100,000**	*89,500*	*10,500*
13	Phục hồi cổ răng bằng Composite	**369,500**	*369,500*	-
14	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp [Nhi]	**245,500**	*245,500*	-
15	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	**245,500**	*245,500*	-
16	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp [độ 1]	**300,000**	*245,500*	*54,500*
17	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp [độ 2]	**500,000**	*245,500*	*254,500*
18	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	**400,000**	*178,900*	*221,100*
19	Lấy cao răng [Lấy cao răng và đánh bóng hai hàm]	**250,000**	*159,100*	*90,900*

TP. HCM, Ngày 14 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VÀ PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TÂM AN

NGUYỄN THANH LÂM